UBND PHƯỜNG NGỌC HÀ
TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀNG DIỆU

Số: 39/QĐ-THHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngọc Hà, ngày 20 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Công khai tài chính bếp ăn bán trú tháng 02/2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀNG DIỆU

Căn cứ vào Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT - BTC ban hành ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị Định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT – BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành qui định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống Giáo dục Quốc dân;

Căn cứ vào tình hình thực tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai số tài chính bếp ăn bán trú tháng 02/2026 (có bảng đính kèm). Thời gian công khai: từ ngày 20 tháng 03 năm 2026 đến ngày 20 tháng 04 năm 2026.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký

Điều 3: Các bộ phận Văn phòng, Thanh tra Nhân dân có trách nhiệm niêm yết, giám sát việc thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- Lưu

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG NGỌC HÀ T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀNG DIỆU

Lưu Thị Hồng Hạnh

UBND PHƯỜNG NGỌC HÀ
TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀNG DIỆU

BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH BẾP ĂN BÁN TRÚ THÁNG 02 NĂM 2026

(Theo Quyết định số 39 /QĐ-THHD ngày 20 / 03 /2026 của trường tiểu học Hoàng Diệu)

Từ ngày	Số lượng học sinh		Đơn giá suất ăn			Thành tiền (đồng)								
						Dự toán			Quyết toán			Tồn		
	Đăng ký tham gia bán trú	Tham gia bán trú thực tế trong ngày	Ngân sách TP hỗ trợ	HS đóng	Tổng cộng	Ngân sách TP hỗ trợ	HS đóng	Tổng cộng	Ngân sách TP hỗ trợ	HS đóng	Tổng cộng	Ngân sách TP hỗ trợ	HS đóng	Tổng cộng
2	1,381	1,351	20,000	15,000	35,000		20,715,000		27,020,000	20,265,000	47,285,000		450,000	
3	1,381	1,365	20,000	15,000	35,000		20,715,000		27,300,000	20,475,000	47,775,000		240,000	
4	1,381	1,362	20,000	15,000	35,000		20,715,000		27,240,000	20,430,000	47,670,000		285,000	
5	1,381	1,361	20,000	15,000	35,000		20,715,000		27,220,000	20,415,000	47,635,000		300,000	
6	1,381	1,335	20,000	15,000	35,000		20,715,000		26,700,000	20,025,000	46,725,000		690,000	
9	1,381	1,336	20,000	15,000	35,000		20,715,000		26,720,000	20,040,000	46,760,000		675,000	
10	1,381	1,350	20,000	15,000	35,000		20,715,000		27,000,000	20,250,000	47,250,000		465,000	
11	1,381	1,336	20,000	15,000	35,000		20,715,000		26,720,000	20,040,000	46,760,000		675,000	
12	1,381	1,277	20,000	15,000	35,000		20,715,000		25,540,000	19,155,000	44,695,000		1,560,000	
23	1,381	1,331	20,000	15,000	35,000		20,715,000		26,620,000	19,965,000	46,585,000		750,000	
24	1,381	1,351	20,000	15,000	35,000		20,715,000		27,020,000	20,265,000	47,285,000		450,000	
25	1,381	1,356	20,000	15,000	35,000		20,715,000		27,120,000	20,340,000	47,460,000		375,000	
26	1,381	1,360	20,000	15,000	35,000		20,715,000		27,200,000	20,400,000	47,600,000		315,000	
27	1,381	1,344	20,000	15,000	35,000		20,715,000		26,880,000	20,160,000	47,040,000		555,000	
		18,815				394,720,000	290,010,000	684,730,000	376,300,000	282,225,000	658,525,000	18,420,000	7,785,000	26,205,000

Người lập bảng

Trần Vân Anh

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG NGỌC HÀ T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀNG DIỆU

Lưu Thị Hồng Hạnh